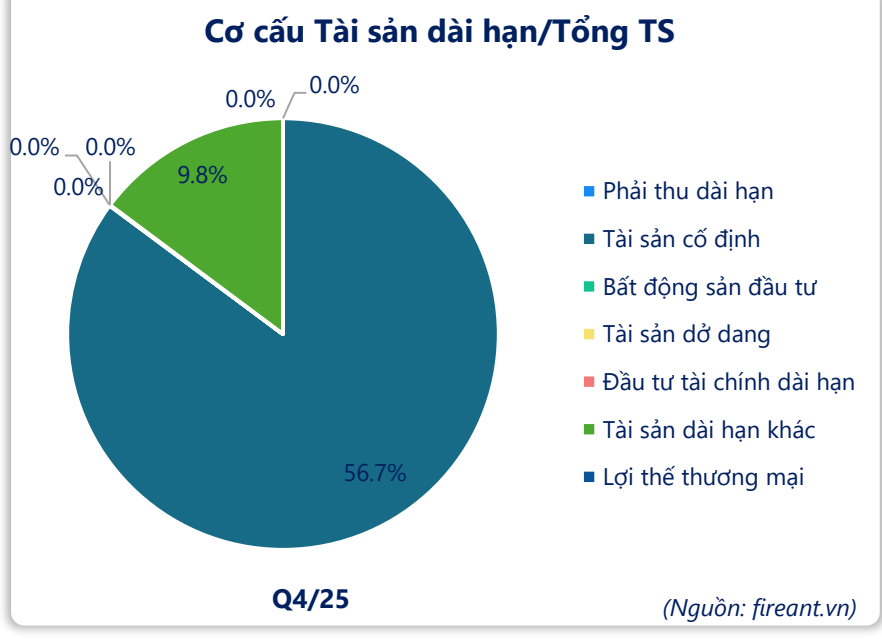
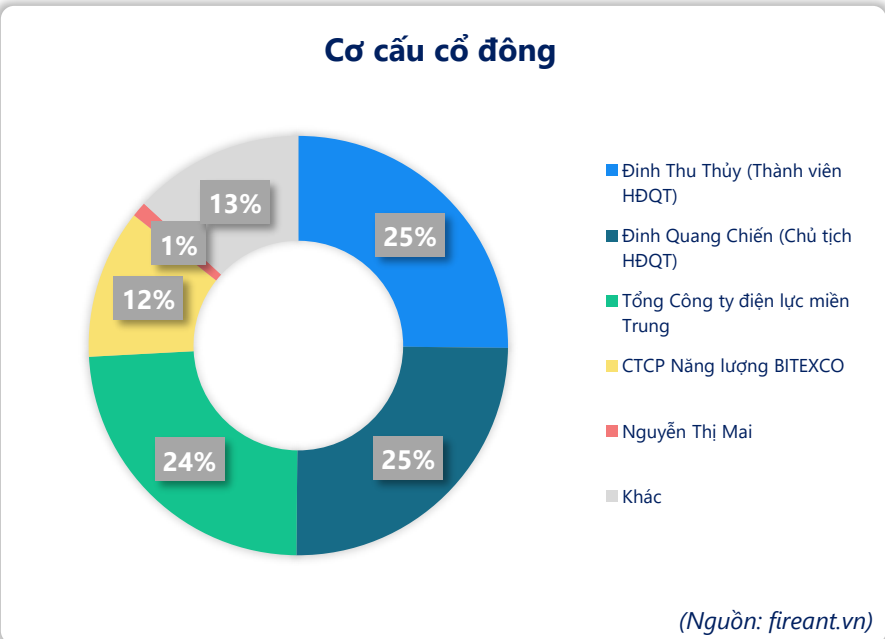
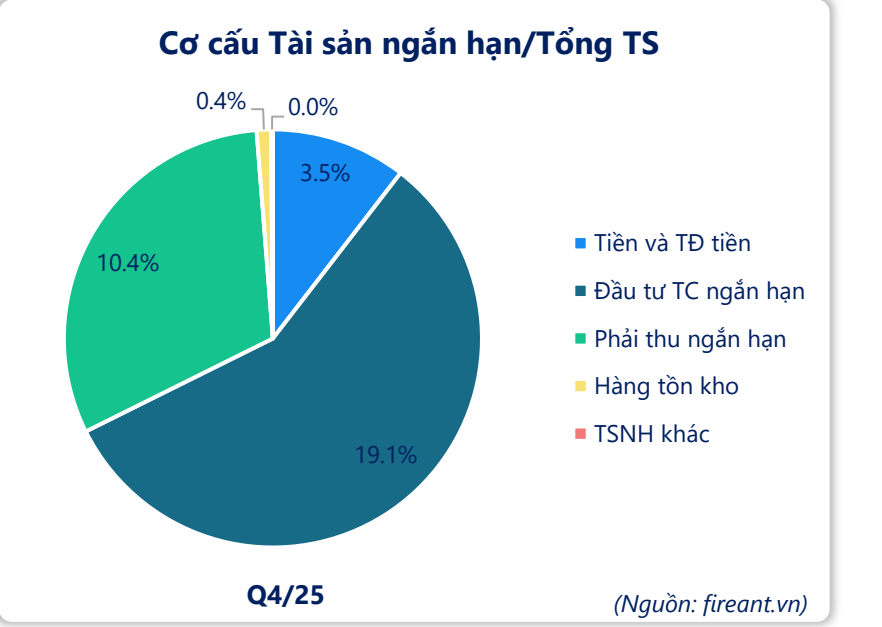
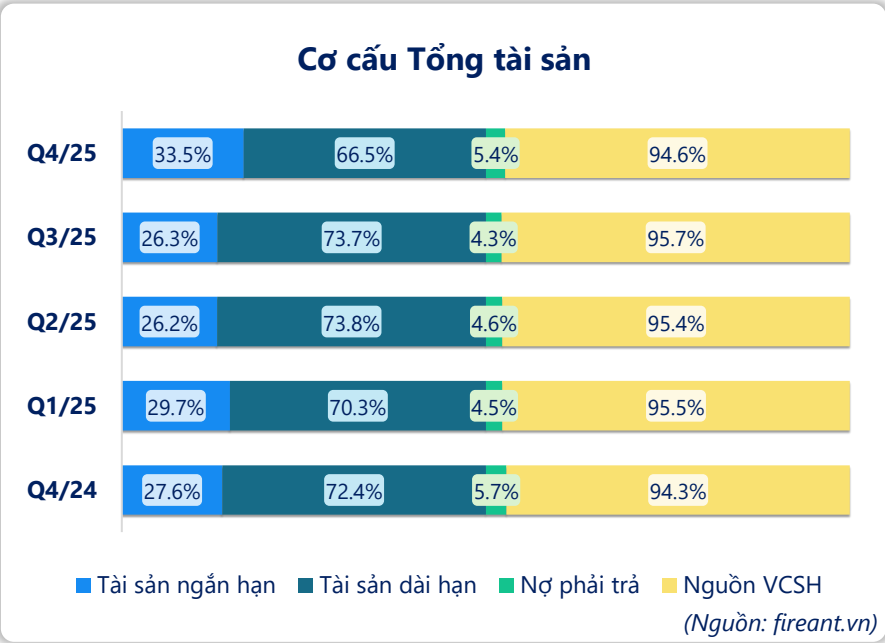
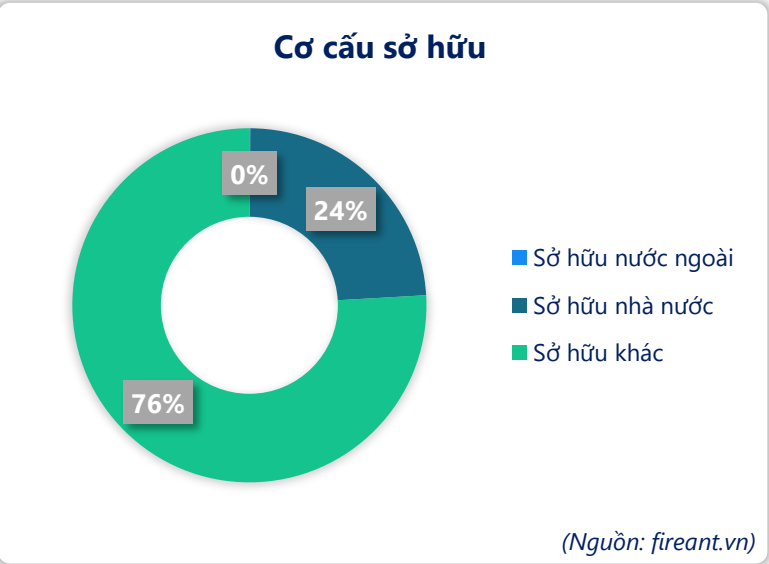
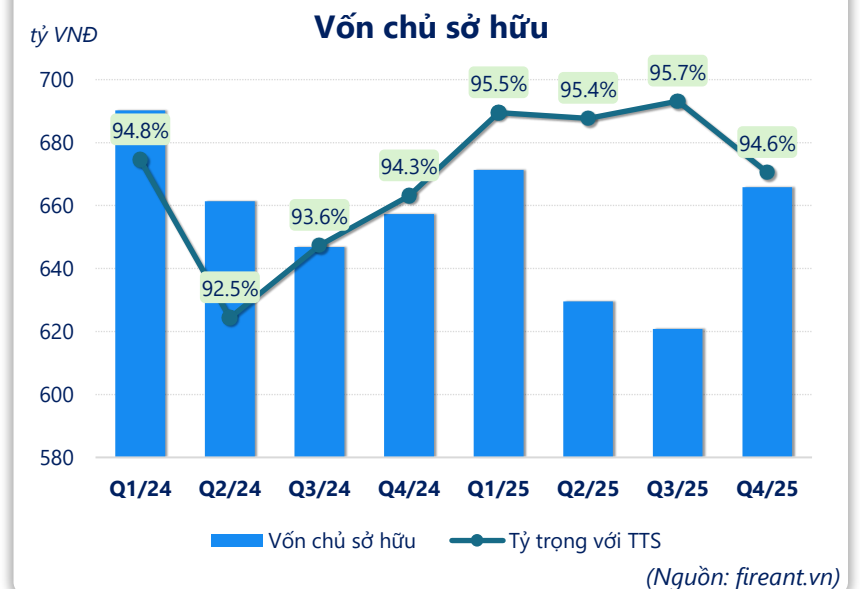
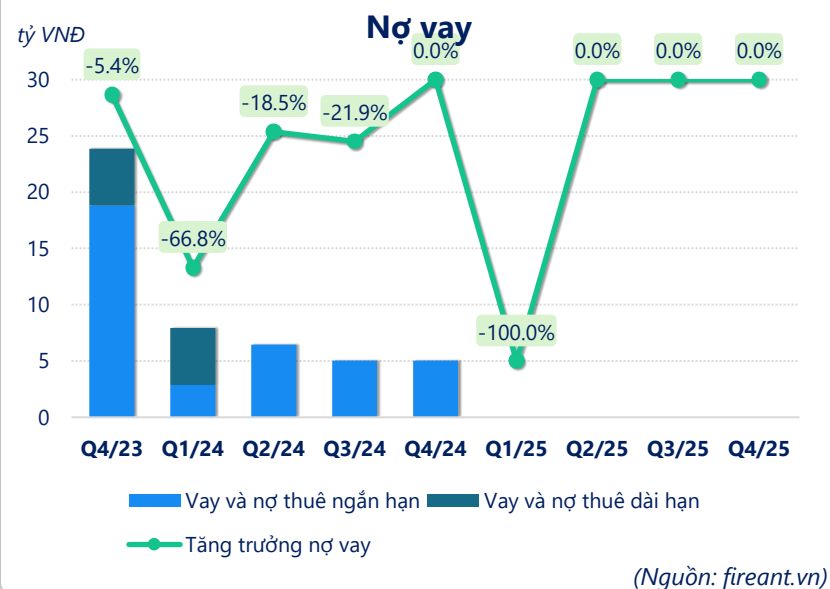
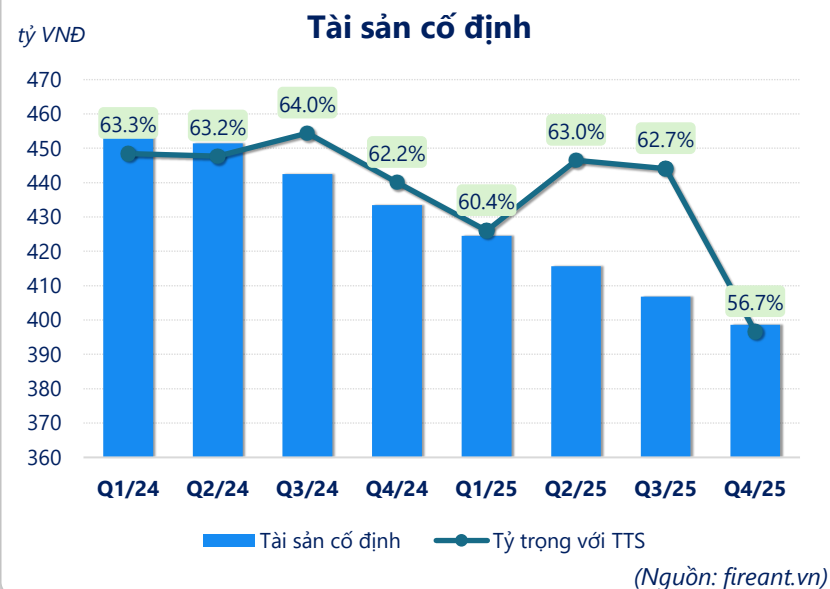
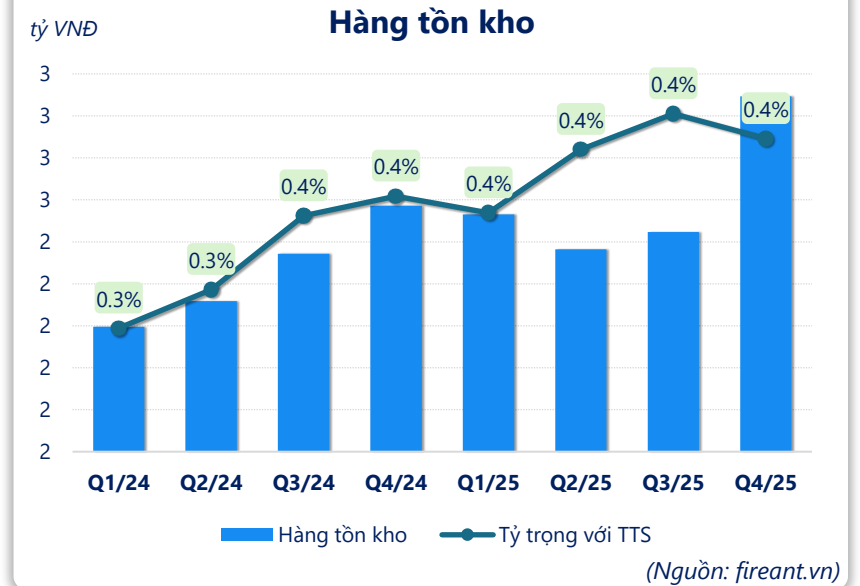
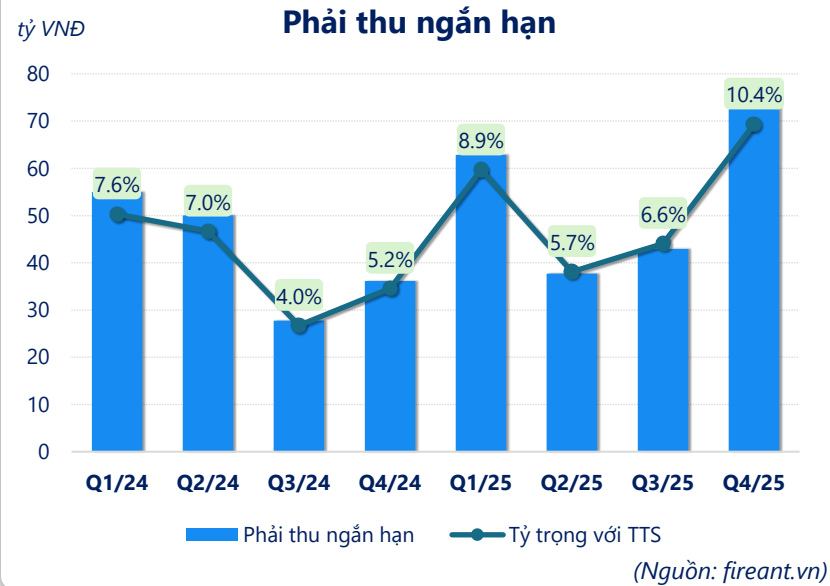
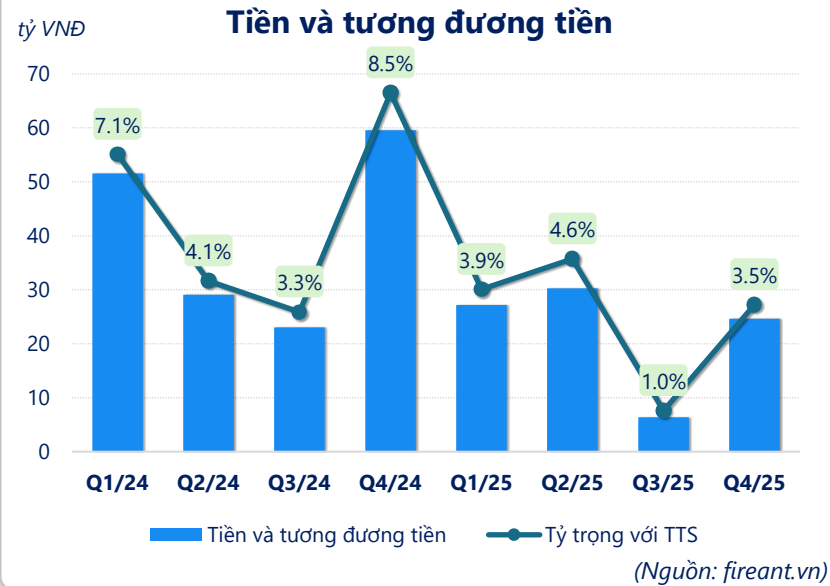
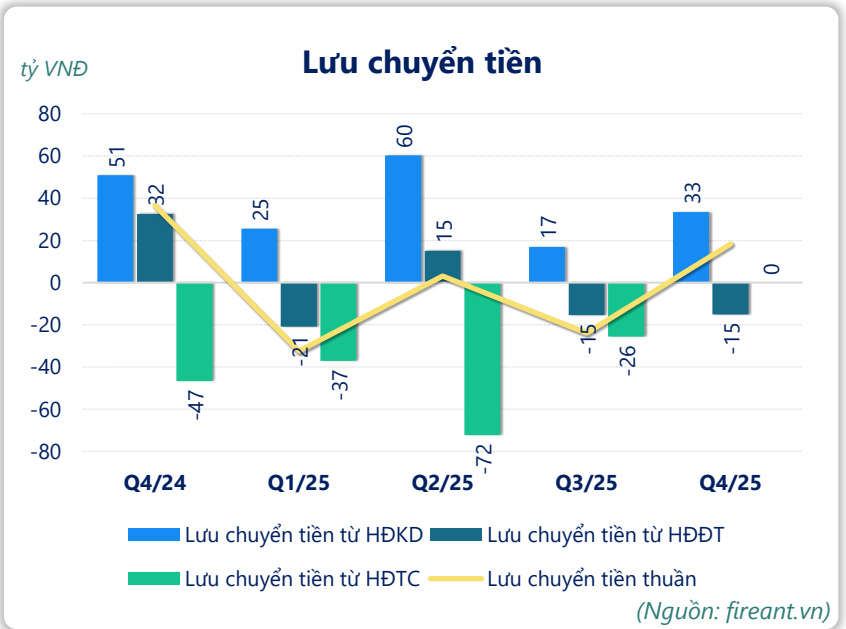
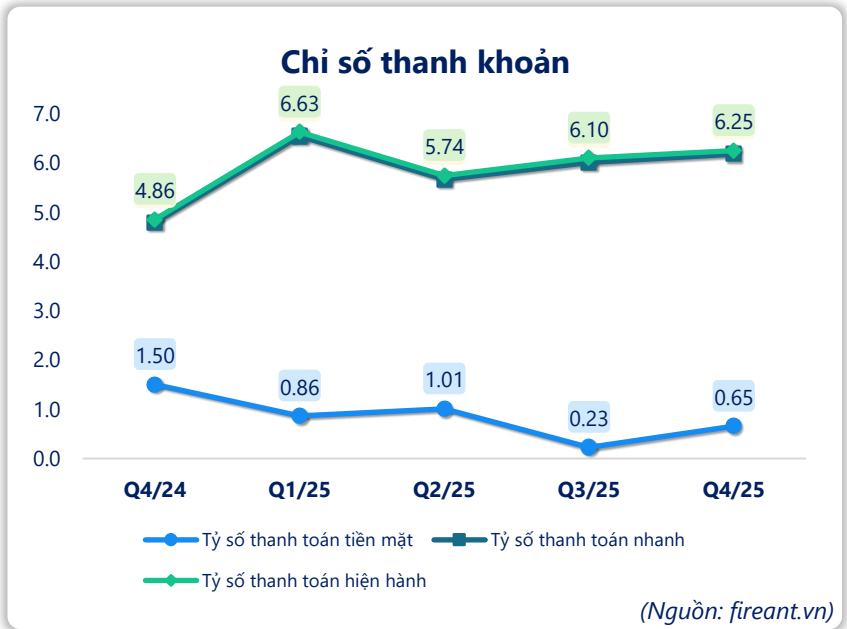
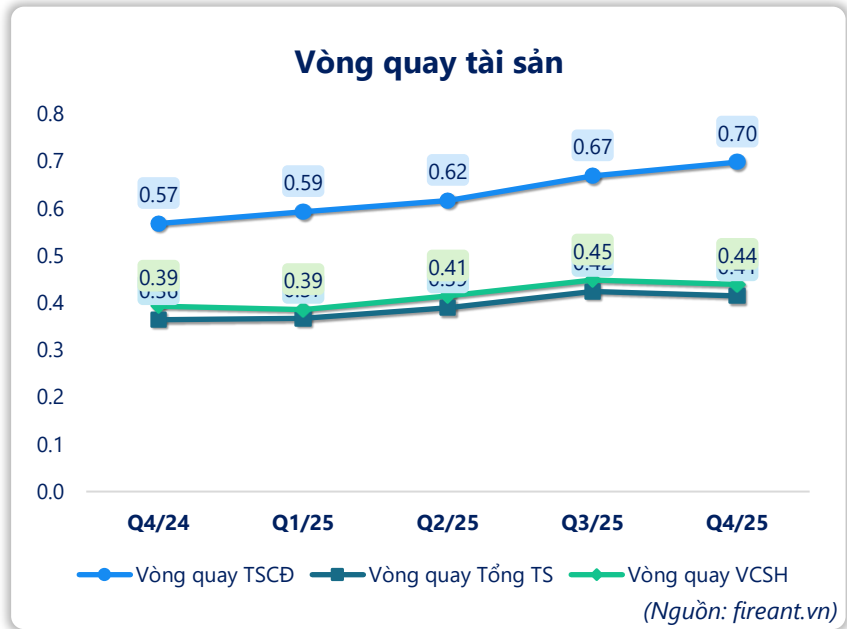
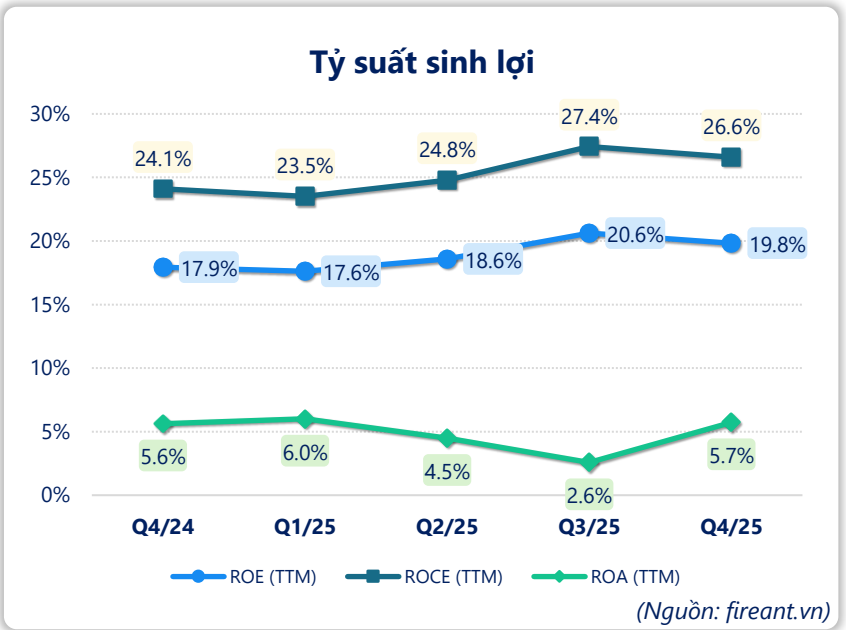
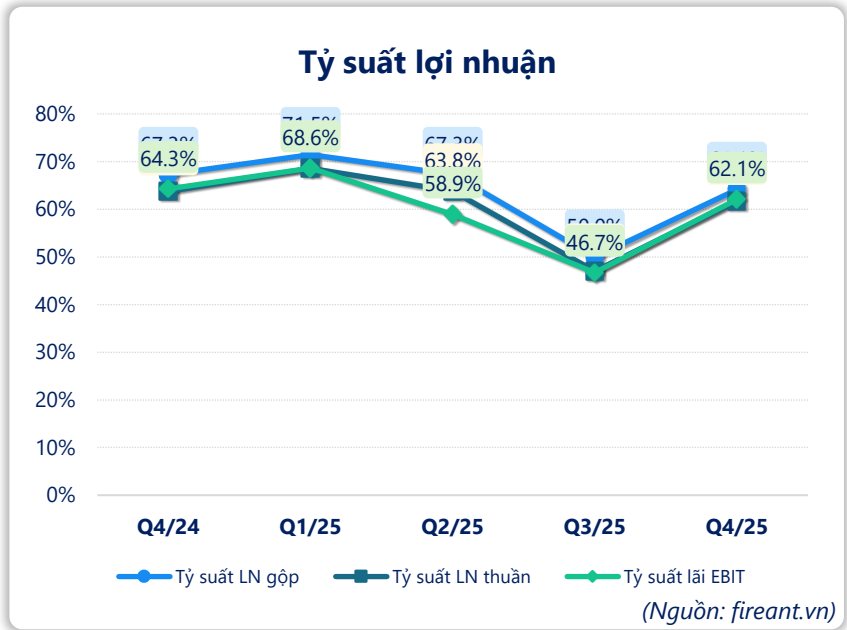
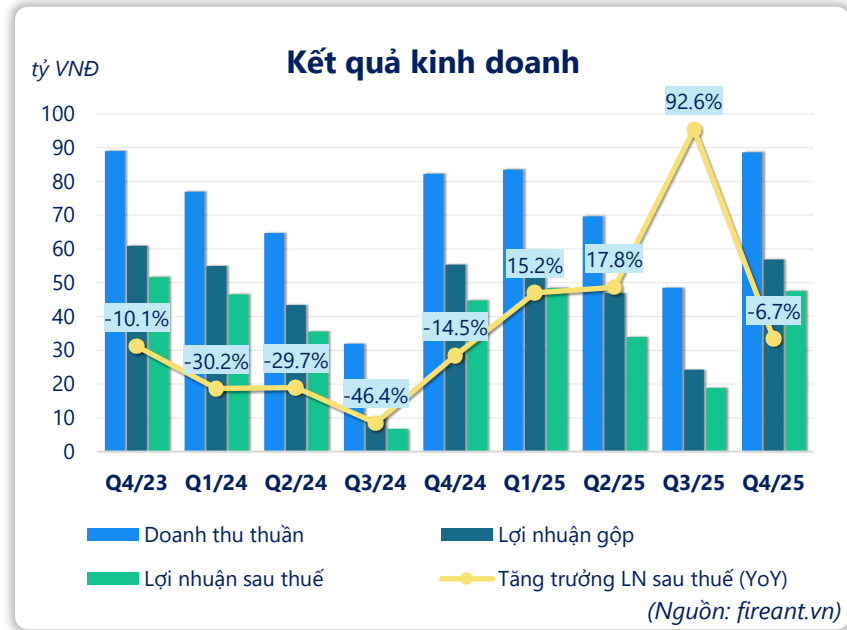


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		47,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		50,847
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		42,574
SL cổ phiếu LH		31,999,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)		645
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,507
P/E		11.5
EPS		4,101

	YTD	1T	3T	6T
SEB	8.4%	0.0%	-1.1%	5.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	704	697	0.9%
Tài sản ngắn hạn	235	193	22.2%
Tiền và tương đương tiền	24.6	59.6	-58.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	135	94.2	42.9%
Phải thu ngắn hạn	73.2	36.2	102%
Hàng tồn kho	2.62	2.49	5.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.26	21.3%
Tài sản dài hạn	468	504	-7.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	399	433	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.21	0.21	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	69.3	70.6	-1.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37.7	39.7	-5.1%
Nợ ngắn hạn	37.7	39.7	-5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	5.04	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.18	5.68	-8.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	666	657	1.3%
Vốn chủ sở hữu	666	657	1.3%
Vốn điều lệ	320	320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	82.3	83.5	69.7	48.5	88.6
Giá vốn hàng bán	26.9	23.8	22.8	24.3	31.8
Lợi nhuận gộp	55.3	59.6	46.9	24.2	56.8
Doanh thu HĐTC	1.03	0.84	1.41	0.98	2.93
Chi phí TC	0.10	0.03	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.10	0.03	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.85	3.21	3.81	2.41	5.07
LN thuần từ HĐKD	52.4	57.2	44.5	22.8	54.7
Lợi nhuận khác	0.37	0.00	-3.43	-0.15	0.29
LN trước thuế	52.8	57.2	41.0	22.6	55.0
Lợi nhuận sau thuế	44.7	48.5	34.0	18.8	47.4
LNST của CĐ cty mẹ	39.6	43.0	30.9	17.3	40.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	50.8	25.5	60.3	17.0	33.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	32.5	-20.9	15.1	-15.4	-15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.7	-37.0	-72.3	-25.6	0
Tiền đầu kỳ	23.0	59.6	27.2	30.3	6.34
Lưu chuyển tiền thuần	36.6	-32.4	3.13	-24.0	18.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	59.6	27.2	30.3	6.34	24.6

(Nguồn: fireant.vn)